

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/DS-ST

Ngày: 03 - 6 - 2026

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - LÂM ĐỒNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Thắng;
2. Bà Nguyễn Thị Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Anh Mang T1, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Thị T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Thị T với anh M T1 tự nguyện tìm hiểu và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 13/3/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng thời gian về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh T1 không chăm lo cho gia đình, ngày nào cũng rượu chè, thường cầm dao, rựa, dây xích đe dọa đuổi đánh chị T nhiều lần. Mâu thuẫn này xảy ra thường xuyên và

càng trầm trọng, chị T bị bạo lực nhiều lần dẫn đến hiện nay chị T không thể chung sống cùng với anh M Tâm nữa nên cương quyết được ly hôn với anh Mang T1.

- Về con chung: Chị T và anh M T1 có 03 người con chung tên Mang Đ, sinh năm 2004 (đã chết); Mang B, sinh năm 2010 (đã chết); Mang Dựng, sinh ngày 09/4/2008. Cháu M Dựng hiện nay đã trưởng thành và đi làm, chị Thị T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn anh Mang T1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thị T như sau:

- Về hôn nhân: Anh Mang T1 và chị Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 13/3/2007. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra; trong cuộc sống anh T1 luôn cố gắng đi làm kiếm tiền nhưng chỉ có thời gian gần đây vì chị T nhiều lần yêu cầu ly hôn nên anh M T1 mới bức tức nên đi uống rượu về chửi bới chị T chứ bình thường anh T1 không có uống rượu nhiều hay đánh đập vợ con. Anh Mang T1 vẫn còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn với chị Thị T.

- Về con chung: Anh Mang T1 xác nhận phần trình bày của chị Thị T là đúng, không có ý kiến gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Mang T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Thị T cung cấp các tài liệu, chứng cứ sau: 01 bản sao căn cước công dân mang tên Thị Thương; 01 bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh con.

- Anh Mang T1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai đương sự; xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân tại địa phương; biên bản công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 tiến hành xét xử là phù hợp.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị T được ly hôn với anh Mang T1.

Về án phí: chị Thị T phải nộp 300.000 phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng đề nghị xem xét xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn chị Thị Thương yêu C Tòa án giải quyết về ly hôn. Ngoài ra, đương sự trong vụ án không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cho nên, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Mang T1 tự nguyện kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Đ, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01, ngày 13/3/2007, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Do những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, dẫn đến vợ chồng chị T và anh T1 thường xảy ra cãi vã, có lời lẽ xúc phạm nhau thậm chí còn có hành động đe dọa đến sức khỏe của đối phương. Kết quả xác minh tại địa phương cũng thể hiện trong cuộc sống giữa chị T và anh T1 đã nhiều lần xảy ra hành vi gây gổ, cãi vã, anh T1 có đập phá đồ đạc trong gia đình, dùng dao đe dọa chị T; ban thôn cũng đã từng can thiệp hoà giải. Hiện tại chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì không thể tiếp tục chung sống với anh T1. Điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Theo đó, cần xử cho chị T được ly hôn với anh Mang T1.

[3.2]. *Về con chung*: con chung đã thành niên và đủ khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị T:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Thị T được ly hôn với anh Mang T1.

- *Về án phí*: Chị Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số 0006521, ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Đồng Kho (thay cho thông báo);
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận